TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **288**/2018/KDTM-PT
Ngày: 19/3/2018
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Phú

Các Thẩm phán: Ông Lê Công Toại

Bà Nguyễn Thị Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thu Trinh, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Thân Trọng Minh Phương, Kiểm sát viên

Trong các ngày 05, 12 và 19 tháng 3 năm 2018, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 175/2017/TLPT-KDTM ngày 06 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2017/KDTM-ST ngày 24 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện O bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 224/2018/QĐ-PT ngày 16 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần Xi măng Thăng L
Địa chỉ: Xã Lê Lợi, huyện Hoành B, tỉnh Quảng Ninh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thu Hà, đại diện theo ủy quyền (GUQ số 80-1CV/TLCC/2018/CN ngày 05/3/2018) (*Có mặt*)

Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hoàng L
Địa chỉ: L18 Tôn Đức T, phường Xuân A, TP. PT, tỉnh Bình Thuận

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Cao Văn Hùng, đại diện theo ủy quyền (GUQ ngày 20/01/2017) (*Có mặt ngày 05/3/2018, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt từ ngày 12/3/2018*)

Người kháng cáo: Công ty TNHH TM DV Hoàng L (bị đơn)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

- Nguyên đơn trình bày:

Công ty cổ phần Xi măng Thăng L (Chi nhánh huyện O) (bên A) và Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hoàng L (bên B) ký Hợp đồng mua bán xi măng số 17/2012/HĐMB-CNTL-BH&M ngày 02/01/2012 và 10 phụ lục hợp đồng từ số 01 đến số 10. Theo đó, bên B đồng ý mua xi măng nhãn hiệu Thăng L do bên A sản xuất, nơi thực hiện hợp đồng là tại địa chỉ bên A (huyện O, TPHCM).

Thực hiện hợp đồng trên, đến ngày 31/12/2012, đại diện hai bên ký Bảng đối chiếu công nợ và xác nhận số dư nợ cuối kỳ là 6.848.020.610 đồng. Mặc dù Công ty Thăng L đã đôn đốc, nhắc nhở nhiều lần nhưng đến ngày 17/10/2017, Công ty Hoàng L mới thanh toán được 4.848.020.610 đồng.

Do đó, Công ty Thăng L khởi kiện yêu cầu Công ty Hoàng L thanh toán ngay số dư nợ gốc tiền hàng phát sinh từ hợp đồng nói trên tính đến ngày 17/10/2017 là 2 tỷ đồng và tiền lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất do pháp luật quy định tính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 17/10/2017 là 2.572.322.984 đồng, tổng cộng là 4.572.322.984 đồng.

- Bị đơn trình bày:

Xác nhận hai bên có ký kết và thực hiện Hợp đồng mua bán xi măng số 17/2012/HĐMB-CNTL-BH&M ngày 02/01/2012 và tính đến tháng 4/2017, Công ty Hoàng L còn nợ Công ty Thăng L 2 tỷ đồng đúng như nguyên đơn trình bày.

Do Công ty Hoàng L cắt giảm số tiền thanh toán cho Công ty Thăng L và Công ty Thăng L không cung cấp xi măng từ tháng 6/2013, tức là các bên đã vi phạm hợp đồng từ tháng 6/2013, nhưng đến tháng 12/2016 Công ty Thăng L mới đi kiện là đã hết thời hiệu khởi kiện.

Công ty Hoàng L thống nhất trả số tiền nợ gốc 2 tỷ đồng như nguyên đơn yêu cầu nhưng không đồng ý thanh toán số tiền lãi 2.572.322.984 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2017/KDTM-ST ngày 24 tháng 10 năm 2017, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty Hoàng L phải thanh toán cho Công ty Thăng L tổng số tiền 4.572.322.984 đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

- Công ty Hoàng L phải chịu án phí sơ thẩm 112.576.323 đồng.

Ngày 06/11/2017, Công ty Hoàng L đã nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án do Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay :

- Nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Nguyên đơn chỉ rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản nợ gốc còn lại do sau khi có bản án sơ thẩm đến nay, bị đơn đã thanh toán hết toàn bộ nợ gốc. Riêng về phần nợ lãi, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

- Bị đơn: Yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về thẩm quyền giải quyết vụ án, thời hiệu khởi kiện, phạm vi xét xử và tính khách quan, vô tư của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa sơ thẩm.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết yêu cầu thanh toán nợ gốc do nguyên đơn đã rút lại yêu cầu này và chấp nhận một phần yêu cầu thanh toán tiền lãi (đối với khoản tiền lãi phát sinh trong thời hiệu khởi kiện).

+ Về phần lãi chậm thi hành án, bản án sơ thẩm tuyên buộc bị đơn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 là không đúng, cần sửa lại theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại 2005.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét kháng cáo của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hoàng L yêu cầu hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án do Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về thẩm quyền giải quyết vụ án, thời hiệu khởi kiện, phạm vi xét xử và tính khách quan, vô tư của Thẩm phán:

a) Về thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm:

Đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại phát sinh từ hợp đồng, nơi thực hiện hợp đồng (nơi giao nhận hàng) đã được các bên thống nhất xác nhận là tại huyện O, TPHCM. Nguyên đơn đã lựa chọn Tòa án nơi thực hiện hợp đồng là Tòa án nhân dân huyện O để nộp đơn khởi kiện.

Do đó, Tòa án nhân dân huyện O thụ lý và giải quyết vụ án này là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Kháng cáo của bị đơn về thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân huyện O là không có căn cứ để được chấp nhận.

b) Về thời hiệu khởi kiện:

Căn cứ lời trình bày của đại diện nguyên đơn và đại diện bị đơn tại Tòa án cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, có cơ sở để xác định khoản nợ tiền mua hàng mà nguyên đơn đang khởi kiện đòi bị đơn thanh toán đã quá hạn

từ ngày 01/01/2013. Đến ngày 21/12/2016 nguyên đơn mới nộp đơn khởi kiện là đã quá 2 năm kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị xâm phạm. Tuy nhiên, tại Tòa án cấp sơ thẩm (phiên hòa giải ngày 18/8/2017 và phiên tòa sơ thẩm ngày 17/10/2017), đại diện bị đơn đã thừa nhận và đồng ý thanh toán khoản tiền nợ gốc (2 tỷ đồng) mà nguyên đơn yêu cầu.

Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 157 Bộ luật Dân sự 2015, thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự này được bắt đầu lại kể từ ngày tiếp theo sau ngày thừa nhận nghĩa vụ thanh toán nợ gốc nói trên của bị đơn (tức kể từ ngày 19/8/2017 và ngày 18/10/2017. Bản án sơ thẩm ngày 24/10/2017 giải quyết yêu cầu đòi nợ gốc của nguyên đơn là không vượt quá thời hiệu khởi kiện (2 năm) quy định tại Điều 319 Luật Thương mại 2005. Kháng cáo của bị đơn về thời hiệu khởi kiện đối với phần quyết định của bản án sơ thẩm liên quan đến khoản nợ gốc là không có căn cứ để được chấp nhận.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi thanh toán tiền lãi chậm trả: Do tại phiên hòa giải và phiên tòa sơ thẩm, đại diện bị đơn đã không đồng ý với yêu cầu đòi tiền lãi của nguyên đơn và yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu nên Tòa án cần phải xem xét về thời hiệu khởi kiện trước khi xem xét về nội dung để chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi tiền lãi của nguyên đơn. Bản án sơ thẩm không có nhận định về thời hiệu khởi kiện mà đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có thiếu sót.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn và đại diện bị đơn đều thống nhất xác nhận kể từ ngày quá hạn thanh toán (01/01/2013) đến trước khi nguyên đơn nộp đơn khởi kiện đến Tòa án, nguyên đơn không có yêu cầu đòi tiền lãi chậm trả và bị đơn cũng không có văn bản nào thừa nhận nghĩa vụ thanh toán tiền lãi cho nguyên đơn. Như vậy, chỉ có khoản tiền lãi chậm trả phát sinh trong thời hạn 2 năm tính đến ngày nộp đơn khởi kiện (tức từ ngày 21/12/2014 đến ngày 21/12//2016) và khoản tiền lãi phát sinh sau ngày nộp đơn khởi kiện cho đến ngày xét xử sơ thẩm mới còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 319 Luật Thương mại 2005 và sẽ được xem xét, giải quyết; còn khoản tiền lãi chậm trả phát sinh trước ngày 21/12/2014 thì đã hết thời hiệu khởi kiện, kháng cáo của bị đơn về thời hiệu khởi kiện là có căn cứ để chấp nhận một phần, cần hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu thanh toán khoản tiền lãi đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

c) Về phạm vi tranh chấp và phạm vi xét xử:

Bị đơn kháng cáo cho rằng các bên không có tranh chấp về Hợp đồng số 17/2012/HĐMB-CNTL-BHM do các bên đã thống nhất xác nhận nợ và phương thức thanh toán nợ phát sinh từ hợp đồng này, do đó, nguyên đơn không có quyền khởi kiện và Tòa án không có thẩm quyền giải quyết vụ án này. Ý kiến này không có căn cứ để được chấp nhận vì mặc dù các bên đã thống nhất xác nhận và thỏa thuận phương thức thanh toán khoản nợ nói trên nhưng nguyên đơn cho rằng bị đơn chưa thực hiện xong việc thanh toán nợ và khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán hết khoản nợ phát sinh từ Hợp đồng số

17/2012/HĐMB-CNTL-BHM, tức là các bên có tranh chấp về hợp đồng này và Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đúng phạm vi tranh chấp.

d) Về tính khách quan, vô tư của Thẩm phán giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm và việc bảo đảm quyền khiếu nại của bị đơn:

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện bị đơn có đưa ra yêu cầu thay đổi Thẩm phán chủ tọa (với lý do đại diện nguyên đơn và chủ tọa phiên tòa là bạn học). Yêu cầu này đã được Hội đồng xét xử xem xét, quyết định không chấp nhận, có lập Biên bản hội ý của Hội đồng xét xử và có ghi vào Biên bản phiên tòa theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 56 (về thẩm quyền quyết định) và khoản 3 Điều 235 (về thủ tục ra quyết định tại phiên tòa) của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung, căn cứ mà bị đơn đưa ra để yêu cầu thay đổi Thẩm phán không có chứng cứ chứng minh và cũng không thuộc các trường hợp phải thay đổi người tiến hành tố tụng quy định tại Điều 52 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, lý do kháng cáo này của bị đơn không có căn cứ để được chấp nhận.

đ) Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và quyết định của bản án sơ thẩm:

- Về yêu cầu thanh toán khoản nợ gốc: Như trên đã nêu, tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện bị đơn đã xác nhận và đồng ý thanh toán khoản nợ gốc mà nguyên đơn yêu cầu là 2 tỷ đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này là có căn cứ. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm (ngày 19/3/2018), đại diện nguyên đơn trình bày: Sau khi có bản án sơ thẩm cho đến trước ngày 19/3/3018, bị đơn đã thanh toán hết khoản nợ gốc 2 tỷ đồng mà bản án sơ thẩm đã buộc bị đơn phải trả nên nguyên đơn xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với khoản nợ gốc này. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy cần hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

- Về yêu cầu thanh toán khoản tiền lãi chậm trả: Như trên đã phân tích, Tòa án chỉ xem xét, giải quyết yêu cầu thanh toán khoản tiền lãi phát sinh trong thời hiệu khởi kiện, tức là khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 21/12/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm (17/10/2017). Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường (15,65%/năm) là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật thương mại 2005. Căn cứ vào "Bảng tính tiền gốc tiền hàng năm 2012" đã được các bên thống nhất xác nhận tại phiên tòa phúc thẩm, số tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc trong thời gian từ ngày 21/12/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm (17/10/2017) (theo mức lãi suất 15,65%/năm) là: 1.147.288.954 đồng.

Như vậy, kháng cáo của bị đơn chỉ có căn cứ để được chấp nhận một phần, cần hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với khoản nợ gốc (do có tình tiết mới) và khoản tiền lãi phát sinh trước ngày 21/12/2014 (do đã hết thời hiệu khởi kiện), còn phần quyết định của bản án sơ thẩm đối với khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 21/12/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm 17/10/2017 thì cần giữ nguyên.

[2]. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các điều 5, 18, 27 và 30 của Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Công ty Hoàng L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền nợ gốc (2 tỷ đồng) mà bản án sơ thẩm đã tuyên buộc phải trả cho Công ty Thăng L và số tiền lãi phát sinh 1.147.288.954 đồng.

- Công ty Thăng L không phải chịu án phí nên được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm hủy một phần bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là Công ty Hoàng L không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 50, 306 và 319 của Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ vào Điều 157 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hoàng L, tuyên xử:

a) Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hoàng L phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty cổ phần Xi măng Thăng L số tiền lãi do chậm trả tiền mua hàng theo Hợp đồng mua bán xi măng số 17/2012/HĐMB-CNTL-BH&M ngày 02/01/2012 là **1.147.288.954** (*một tỷ một trăm bốn mươi bảy triệu hai trăm tám mươi tám ngàn chín trăm năm mươi bốn*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty cổ phần Xi măng Thăng L, nếu Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hoàng L không chịu thanh toán số tiền nói trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

b) Hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Xi măng Thăng L đối với khoản tiền mua hàng còn nợ theo Hợp đồng mua bán xi măng số 17/2012/HĐMB-CNTL-BH&M ngày 02/01/2012 giữa các bên và khoản tiền lãi chậm trả phát sinh trước ngày 21/12/2014.

2. Về án phí:

- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hoàng L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **94.945.000** (*chín mươi bốn triệu chín trăm bốn mươi lăm ngàn*) đồng.

- Công ty cổ phần Xi măng Thăng L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp **56.144.818** đồng (*theo Biên lai thu tiền số AD/2014/0007386 ngày 26/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện O*).

- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hoàng L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp **2.000.000** đồng (*theo Biên lai thu tiền số AD/2014/0008389 ngày 24/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện O*).

3. Bản án này có hiệu lực pháp luật ngay.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND TPHCM;
- TAND huyện O;
- Chi cục THADS huyện O;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Công Phú